

Bản án số: 93/2018/HNGĐ-ST

Ngày 09 – 5 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 91/2018/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Ngọc T, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp VĐ, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp VĐ, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Ngọc T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh Nguyễn Văn M tổ chức đám cưới năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Nguyên nhân mâu thuẫn, trong quá trình chung sống, chị T và anh M xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, anh M không

quan tâm, lo lắng cho cuộc sống gia đình và hay ghen tuông vô cớ, mặc dù gia đình hai bên cũng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Từ đó, tình cảm giữa chị T và anh M không còn gắn bó, thương yêu nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai còn trách nhiệm với ai. Nay chị T xin được ly hôn với anh M.

- *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, chị T và anh M có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 26/11/2006 và Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 13/10/2008, hiện hai người con chung đang sống chung với gia đình bên nội. Khi ly hôn, chị T và anh M thỏa thuận mỗi người nuôi một người con, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Mãi đồng ý ly hôn với chị T.

- *Về nuôi con chung*: Anh và chị T mỗi người phải nuôi một người con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Lê Ngọc T, bị đơn anh Nguyễn Văn M là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh M vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh M.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thom về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Vào năm 2005, chị T và anh M kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] *Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy*: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị T xác định những nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị xin ly hôn với anh M, nhưng anh M không có ý kiến gì về những nguyên nhân mâu thuẫn do chị T trình bày, nay anh thì anh đồng ý theo yêu cầu của chị T. *Xét*

thấy: Việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh M là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Xét về nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Theo đơn khởi kiện, chị T đồng ý giao 02 người con cho anh M nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa chị T xác định, chị và anh M tự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về chia tài sản và nợ*: Chị T và anh M xác định, vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ người khác và cũng không có người khác nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] *Về án phí hôn nhân và gia đình*:

Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Lê Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Chị Lê Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000đ, ngày 09/3/2018 chị T có nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ, biên lai số 0009628 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh